

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE**

<b>Nghề đào tạo</b>	<b>: Hộ sinh</b>
<b>Mã ngành</b>	<b>: 5720303</b>
<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>: Trung cấp</b>
<b>Hình thức đào tạo</b>	<b>: Chính quy</b>
<b>Thời gian đào tạo</b>	<b>: 2 năm</b>
<b>Đối tượng tuyển sinh</b>	<b>: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương</b>

**Hải Dương, 2020**

## **LỜI GIỚI THIỆU**

Chương trình khung đào tạo Trung cấp Hộ sinh chính quy hệ 02 năm theo niên chế của Trường Cao đẳng Y tế Hải Dương được xây dựng dựa trên Thông tư 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về Ban hành quy chế khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội.

# **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Kèm quyết định số 62/QĐ - CĐY ngày 23 tháng 4 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hải Dương)*

Hải Dương, ngày 23 tháng 4 năm 2020

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành	: Hộ sinh
Mã ngành	: 5720303
Trình độ đào tạo	: Trung cấp
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo	: 2 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo người Hộ sinh trình độ trung cấp có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề Hộ sinh ở trình độ Trung cấp, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình Hộ sinh trung cấp nhằm đào tạo người Hộ sinh có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả cho phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi. Được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tâm huyết với nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp trong khuôn khổ quy định của luật pháp và các chính sách của Nhà nước, người Hộ sinh sẽ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em một cách toàn diện về thể chất, tâm, sinh lý và xã hội. Đồng thời, người Hộ sinh luôn có ý thức học hỏi, chủ động phát triển nghề nghiệp cho bản thân mình, đảm bảo thực hành chuyên môn an toàn, hiệu quả.

### 1.2. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh

#### NĂNG LỰC 1

Hộ sinh phải có kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực: sản khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp. Những kiến thức và kỹ năng này là nền tảng để chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng.

#### KIẾN THỨC CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Hiểu biết/ có kiến thức về cộng đồng và các vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng (như mức thu nhập, văn hóa, giáo dục, cung cấp nước sạch, hệ thống vệ sinh, nhà ở, ô nhiễm môi trường, an toàn thực phẩm, mô hình

bệnh tật, các vấn đề sức khỏe thường gặp, những nguy cơ phổ biến ảnh hưởng tới sức khỏe).

*Tiêu chí 2.* Nhận thức được việc sử dụng các chiến lược nâng cao sức khỏe và phòng chống bệnh tật chính là nguyên tắc chăm sóc sức khỏe ban đầu dựa vào cộng đồng.

*Tiêu chí 3.* Xác định được nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp gây tử vong và tàn tật cho bà mẹ và trẻ sơ sinh tại cộng đồng và các chiến lược làm giảm những nguyên nhân này.

*Tiêu chí 4.* Có kiến thức về phương pháp thẩm định những trường hợp tử vong mẹ và những trường hợp có nguy cơ tử vong mẹ.

*Tiêu chí 5.* Trình bày được nguyên tắc cơ bản của dịch tễ học, chẩn đoán cộng đồng và sử dụng những nguyên tắc này trong cung cấp dịch vụ.

*Tiêu chí 6.* Xác định được tầm quan trọng của công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, các phương pháp kiểm soát nhiễm khuẩn, các phương pháp phòng ngừa chuẩn trong quá trình cung cấp dịch vụ.

*Tiêu chí 7.* Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, giải thích được các tài liệu y văn, các số liệu thống kê, các kết quả nghiên cứu.

*Tiêu chí 8.* Giải thích được các chỉ số về chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

*Tiêu chí 9.* Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của giáo dục sức khỏe, thiết lập mối quan hệ tốt với phụ nữ, bà mẹ và gia đình, tuyên truyền thông tin có hiệu quả về những vấn đề sức khỏe, giúp phụ nữ có hiểu biết về quá trình mang thai, chuyển dạ, sinh đẻ và sau đẻ.

*Tiêu chí 10.* Có kiến thức về các dịch vụ y tế tại địa phương, quốc gia và cơ sở hạ tầng hỗ trợ chăm sóc y tế liên tục (bao gồm tổ chức và hệ thống chuyển tuyến), cách tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc hộ sinh.

*Tiêu chí 11.* Xác định được các dấu hiệu nguy cơ phải chuyển tuyến để xác định các nguồn lực cần thiết, cách thức trao đổi thông tin liên lạc, các phương án tổ chức và thực hiện chuyển tuyến hiệu quả.

*Tiêu chí 12.* Có kiến thức về các chương trình quốc gia liên quan đến quá trình chăm sóc hộ sinh để hỗ trợ cộng đồng tiếp cận dịch vụ (ví dụ như chương trình tiêm chủng, phòng và điều trị một số bệnh đang lưu hành).

*Tiêu chí 13.* Có kiến thức về các quy định và quy chế quản lý sức khỏe sinh sản cho phụ nữ mọi lứa tuổi, bao gồm: pháp luật, chính sách, các mẫu biểu ghi chép và các hướng dẫn chuyên ngành.

*Tiêu chí 14.* Có kiến thức về Quyền con người và những ảnh hưởng của quyền con người đến sức khỏe của mỗi cá nhân. Tôn trọng truyền thống văn hóa địa phương (bao gồm niềm tin, tín ngưỡng, vai trò giới).

*Tiêu chí 15.* Có kiến thức cơ bản về y học cổ truyền để phối hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong chăm sóc sức khỏe.

*Tiêu chí 16.* Phân tích được lợi ích và nguy cơ của các hình thức sinh đẻ và các chiến lược vận động phụ nữ sử dụng các dịch vụ chăm sóc sinh đẻ an toàn.

#### KỸ NĂNG CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Thực hiện các cuộc thảo luận, giáo dục sức khỏe với phụ nữ và gia đình họ, tập trung vào việc bảo vệ quyền phụ nữ, vai trò của gia đình và cộng đồng liên quan đến chăm sóc bà mẹ.

*Tiêu chí 2.* Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hỗ trợ để người phụ nữ có hiểu biết về các dấu hiệu và cảm nhận được các dấu hiệu của quá trình mang thai, chuyển dạ, sinh đẻ và sau đẻ. Xác định nhu cầu, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân người phụ nữ, gia đình và cộng đồng.

*Tiêu chí 3.* Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của người phụ nữ, đồng nghiệp và cộng đồng trong khi thực hành nghề nghiệp.

*Tiêu chí 4.* Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

*Tiêu chí 5.* Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người phụ nữ và gia đình họ; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người phụ nữ và gia đình họ.

*Tiêu chí 6.* Phối hợp với người phụ nữ và gia đình họ trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng cho phụ nữ để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ tại cộng đồng trong quá trình mang thai và sinh đẻ; tạo điều kiện và hỗ trợ họ ra các quyết định liên quan đến sức khỏe (chuyển tuyến, chấp nhận hoặc từ chối thực hiện xét nghiệm, các can thiệp).

*Tiêu chí 7.* Tư vấn, chăm sóc hiệu quả trong quá trình chuyển tuyến và bàn giao người phụ nữ/ bà mẹ có nguy cơ hoặc bệnh lý.

*Tiêu chí 8.* Phát triển các mối quan hệ chuyên môn với các nhân viên y tế khác. Phối hợp hiệu quả với các nhân viên y tế khác để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho phụ nữ và gia đình họ.

*Tiêu chí 9.* Chịu trách nhiệm và giải thích được các quyết định thực hành lâm sàng của mình, lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp cho từng cá nhân và cộng đồng.

*Tiêu chí 10.* Thực hiện vệ sinh môi trường, an toàn cho bà mẹ, khách hàng và nhân viên y tế. Tuân thủ quy định về quản lý, phân loại, xử lý chất thải bao gồm chất thải thông thường và chất thải lây nhiễm. Hướng dẫn bà mẹ, khách hàng và gia đình của họ thực hiện an toàn, phòng ngừa chung.

*Tiêu chí 11.* Sử dụng các tiêu chuẩn phòng ngừa chung, các chiến lược kiểm soát nhiễm khuẩn; thực hiện kỹ thuật vô khuẩn theo hướng dẫn quốc gia.

*Tiêu chí 12.* Ghi chép và giải thích những kết quả có liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp được quy định, bao gồm cả những việc đã hoàn thành và những việc cần theo dõi tiếp.

*Tiêu chí 13.* Tham gia các khóa đào tạo liên tục, ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng chăm sóc.

*Tiêu chí 14.* Tuân thủ quy định về báo cáo các trường hợp sinh đẻ và tử vong.

*Tiêu chí 15.* Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị y tế trong phạm vi thực hành hộ sinh có hiệu quả. Vận hành hiệu quả, lên kế hoạch bảo trì phương tiện, trang thiết bị do mình phụ trách. Kiểm tra chức năng hoạt động của phương tiện, trang thiết bị, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, an toàn, hiệu quả kinh tế và bảo đảm các tiêu chuẩn về kiểm soát nhiễm khuẩn.

## MỞ RỘNG

*Tiêu chí 16.* Hỗ trợ sinh viên và đồng nghiệp trong phát triển chuyên môn nghề nghiệp; góp phần xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo; tham gia giảng dạy, hỗ trợ đồng nghiệp trong thực hành lâm sàng.

*Tiêu chí 17.* Đảm đương trách nhiệm và phát huy vai trò quản lý trong thực hành nghề nghiệp theo quy định phân cấp cơ sở y tế và phân tuyến kỹ thuật.

*Tiêu chí 18.* Góp phần trong việc xây dựng chính sách liên quan đến lĩnh vực hộ sinh.

## NĂNG LỰC 2

Hộ sinh cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng, để nâng cao sức khỏe gia đình, hoạch hóa gia đình và chuẩn bị làm mẹ.

## KIẾN THỨC CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Sự phát triển và trưởng thành của cơ thể liên quan đến tình dục, sự phát triển tình dục và hoạt động tình dục.

*Tiêu chí 2.* Giải phẫu, sinh lý bộ máy sinh dục nam và nữ liên quan đến sự thụ thai và quá trình sinh sản.

*Tiêu chí 3.* Các chuẩn mực văn hóa và thực hành liên quan đến tình dục, quan hệ tình dục, hôn nhân và sinh đẻ.

*Tiêu chí 4.* Các thành phần của tiền sử sức khỏe, tiền sử gia đình và tiền sử liên quan đến di truyền.

*Tiêu chí 5.* Các nội dung về chăm sóc sức khỏe phụ nữ có ra máu âm đạo bất thường, có dị tật bẩm sinh cơ quan sinh dục, có khối u sinh dục.

*Tiêu chí 6.* Các nội dung về khám thực thể và xét nghiệm để đánh giá sức khỏe của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

*Tiêu chí 7.* Nội dung giáo dục sức khỏe, tập trung vào sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản (như các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS, sức khỏe trẻ sơ sinh và trẻ em).

*Tiêu chí 8.* Các thông tin, phương pháp để tư vấn và chuyển tuyến cho những đối tượng có rối loạn trong quan hệ tình dục, bao gồm: rối loạn tình dục, bạo lực giới, bạo lực tinh thần và bạo lực thể chất.

*Tiêu chí 9.* Những nguyên lý cơ bản về tác dụng của các phương tiện tránh thai.

*Tiêu chí 10.* Các biện pháp tránh thai: chỉ định, chống chỉ định, hướng dẫn cách sử dụng, hiệu quả và nguy cơ. Những nội dung tư vấn về tất cả các biện pháp tránh thai phù hợp cho phụ nữ hoặc cặp vợ chồng/bạn tình trong lựa chọn và quyết định phương pháp tránh thai.

*Tiêu chí 11.* Các dấu hiệu, triệu chứng của các nhiễm trùng đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường tình dục hay gặp ở cộng đồng.

*Tiêu chí 12.* Các chỉ số về bệnh cấp và mạn tính phổ biến tại từng địa phương có nguy cơ cho cả bà mẹ và thai nhi; việc chuyển tuyến để làm những xét nghiệm chuyên khoa; các phương pháp điều trị, dự phòng thích hợp cho bà mẹ khi trong vùng có bệnh dịch.

## MỞ RỘNG

*Tiêu chí 13.* Nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới.

*Tiêu chí 14.* Nguyên lý của sàng lọc ung thư cổ tử cung (ví dụ quan sát cổ tử cung với axit acetic [VIA], xét nghiệm PAP và soi cổ tử cung).

## KỸ NĂNG CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Hỏi đầy đủ bệnh sử về sức khỏe, sản khoa, phụ khoa.

*Tiêu chí 2.* Sử dụng các kỹ năng giáo dục sức khỏe và kỹ năng tư vấn cơ bản phù hợp. Căn cứ vào từng tình huống cụ thể, hoàn cảnh riêng biệt, nhu cầu và nguyện vọng của mỗi cá nhân để tiến hành tư vấn cho phụ nữ và gia đình trước khi mang thai.

*Tiêu chí 3.* Thực hiện khám lâm sàng toàn thân, bao gồm cả khám vú cho người phụ nữ.

*Tiêu chí 4.* Đề xuất, thực hiện và phân tích được kết quả các xét nghiệm cơ bản phổ biến (như hematocrit).

*Tiêu chí 5.* Yêu cầu xét nghiệm và phân tích được kết quả các xét nghiệm sàng lọc như lao, HIV, các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

*Tiêu chí 6.* Chăm sóc, hỗ trợ, chuyển tuyến và thực hiện điều trị theo y lệnh cho phụ nữ HIV dương tính; tư vấn thực hiện xét nghiệm cho những phụ nữ không biết tình trạng bệnh lý của mình.



*Tiêu chí 7.* Cung cấp và hướng dẫn khách hàng sử dụng các biện pháp tránh thai sẵn có tại địa phương, theo quy định hướng dẫn quốc gia và phù hợp với văn hóa địa phương.

*Tiêu chí 8.* Tư vấn cho người phụ nữ biết tự theo dõi và phát hiện các tác dụng phụ, cũng như các vấn đề bất thường xảy ra trong khi sử dụng các biện pháp tránh thai.

*Tiêu chí 9.* Đặt và tháo dụng cụ tử cung thông thường.

*Tiêu chí 10.* Tiến hành lấy dịch cổ tử cung làm xét nghiệm tế bào (PAP test).

*Tiêu chí 11.* Hướng dẫn hoặc thực hiện thuốc cho khách hàng theo chỉ định.

## **MỞ RỘNG**

*Tiêu chí 12.* Sử dụng kính hiển vi thực hiện những xét nghiệm sàng lọc đơn giản.

*Tiêu chí 13.* Lau acid acetic và quan sát, nhận định tổn thương cổ tử cung để điều trị hoặc chuyển tuyến nếu cần thiết.

*Tiêu chí 14.* Phối hợp tiến hành soi cổ tử cung để sàng lọc ung thư và nhận định việc cần thiết phải chuyển tuyến để điều trị.

## **NĂNG LỰC 3**

Hộ sinh cung cấp dịch vụ chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản hoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời.

## **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

*Tiêu chí 1.* Thay đổi giải phẫu, sinh lý của người phụ nữ khi có thai.

*Tiêu chí 2.* Sinh lý của sinh sản, quá trình thụ thai, sự phát triển và trưởng thành của thai nhi.

*Tiêu chí 3.* Dấu hiệu và triệu chứng của thai nghén, đánh giá tình trạng thai nghén.

*Tiêu chí 4.* Các nội dung về tiền sử sức khỏe; các nội dung khám thai, chẩn đoán thai nghén; các phương pháp dự tính ngày sinh (dựa trên tiền sử kinh nguyệt, chiều cao tử cung và siêu âm); theo dõi, đánh giá toàn trạng sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong suốt thời kỳ thai nghén; phát hiện các yếu tố nguy cơ và xử trí thích hợp.

*Tiêu chí 5.* Kết quả xét nghiệm bình thường của phụ nữ thời kỳ thai nghén.

*Tiêu chí 6.* Quá trình thai nghén bình thường; những thay đổi tâm lý khi mang thai; những biểu hiện về stress tâm lý, tác động của thai nghén đến người phụ nữ và gia đình.

*Tiêu chí 7.* Dấu hiệu của thai nghén bất thường.

*Tiêu chí 8.* Các nguyên nhân dễ khó do mẹ, do thai, do phân phụ của thai và sự ảnh hưởng tới sức khỏe bà mẹ, ảnh hưởng tới quá trình sinh đẻ; các yếu tố

nguy cơ cho bà mẹ và thai nhi; Các yêu cầu chuyển tuyến phù hợp trong thời kỳ thai nghén và khi đẻ.

*Tiêu chí 9.* Các biện pháp giảm khó chịu không dùng thuốc khi mang thai đảm bảo an toàn và sẵn có tại địa phương.

*Tiêu chí 10.* Dinh dưỡng cần thiết cho phụ nữ mang thai và thai nhi.

*Tiêu chí 11.* Sinh lý tiết sữa và các biện pháp chuẩn bị nuôi con bằng sữa mẹ.

*Tiêu chí 12.* Có kiến thức chăm sóc sức khỏe phụ nữ thời kỳ mang thai để tư vấn phù hợp cho người phụ nữ mang thai và gia đình họ.

*Tiêu chí 13.* Tác động dược học cơ bản của những thuốc được sử dụng trong thời kỳ thai nghén đối với bà mẹ và thai nhi.

*Tiêu chí 14.* Các nội dung thiết yếu trong kế hoạch sinh đẻ (chuẩn bị cho quá trình chuyển dạ và sinh đẻ, làm cha mẹ, chuẩn bị cho các tình huống cấp cứu), chuẩn bị cho trẻ sơ sinh nếu sinh con tại nhà.

*Tiêu chí 15.* Biểu hiện lâm sàng của các dấu hiệu chuyển dạ để tư vấn, hướng dẫn cho bà mẹ mang thai.

*Tiêu chí 16.* Những kỹ thuật giảm đau sẵn có và tăng nghỉ ngơi thư giãn trong chuyển dạ để tư vấn, hướng dẫn cho bà mẹ mang thai.

*Tiêu chí 17.* Những dấu hiệu và triệu chứng của các tình trạng bệnh lý hoặc sản khoa đe dọa sự sống của người mẹ và thai nhi.

*Tiêu chí 18.* Phương pháp tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện; tư vấn cho người phụ nữ có HIV dương tính về chăm sóc, điều trị và biện pháp ngăn ngừa lây truyền từ mẹ sang con, các kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng con sau sinh.

*Tiêu chí 19.* Các dấu hiệu, triệu chứng, các chỉ định chuyển tuyến khi thai phụ có các biến chứng hoặc các yếu tố không thuận lợi ảnh hưởng đến người mẹ và thai nhi.

*Tiêu chí 20.* Tác động của thuốc lá, lạm dụng rượu và các chất gây nghiện đối với bà mẹ và thai nhi.

*Tiêu chí 21.* Chỉ định, chống chỉ định, cách dùng thuốc tẩy giun phù hợp cho bà mẹ trong thời kỳ thai nghén.

## MỞ RỘNG

*Tiêu chí 22.* Chỉ định/ khuyến cáo và nhận định được kết quả một số xét nghiệm sàng lọc cơ bản theo quy định của phân tuyến kỹ thuật.

*Tiêu chí 23.* Các biện pháp phòng chống sốt rét và quản lý thai nghén đối với những thai phụ trong vùng sốt rét theo hướng dẫn quốc gia.

## KỸ NĂNG CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Khai thác bệnh sử, thăm khám, đánh giá toàn diện về sức khỏe tinh thần, thể chất của bà mẹ và thai nhi khi khám thai lần đầu và các lần khám thai tiếp theo. Phân tích đúng các thông tin thu được qua quá trình đánh giá và xử trí phù hợp, theo đúng phân tuyến kỹ thuật.

*Tiêu chí 2.* Xác định những thay đổi sinh lý trong quá trình thai nghén;

*Tiêu chí 3.* Giải thích đầy đủ các kết quả khám cho bà mẹ.

*Tiêu chí 4.* Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người mẹ và tác động tới sự phát triển của thai nhi; tư vấn thích hợp cho bà mẹ về dinh dưỡng trong thời kỳ thai nghén (các loại thức ăn nên dùng trong thời kỳ thai nghén và dùng như thế nào để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng).

*Tiêu chí 5.* Đánh giá được quá trình thai nghén bình thường hay không qua sự phát triển của chiều cao tử cung, vị trí, ngôi, thế và độ xuồng của thai nhi.

*Tiêu chí 6.* Theo dõi được nhịp tim thai bằng ống nghe tim thai hoặc máy Doppler (nếu sẵn có).

*Tiêu chí 7.* Đánh giá được sự phát triển của thai nhi qua kiểm tra sự hoạt động của thai; nghe tim thai và giải thích kết quả khám cho bà mẹ. Dự tính ngày sinh.

*Tiêu chí 8.* Đánh giá khung chậu, tăng sinh môn để xác định sự tương xứng của khung chậu với đầu thai nhi, dự tính mức độ cắt tầng sinh môn khi sinh đẻ.

*Tiêu chí 9.* Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, gia đình và cộng đồng về quá trình phát triển bình thường của thai nghén; triệu chứng và các dấu hiệu nguy hiểm của quá trình thai nghén; thời điểm và cách thức liên lạc với nhân viên y tế hoặc cơ sở y tế nhanh nhất khi có dấu hiệu nguy hiểm.

*Tiêu chí 10.* Hướng dẫn bà mẹ và gia đình những chuẩn bị cơ bản cho quá trình chuyển dạ, sinh đẻ và làm cha mẹ.

*Tiêu chí 11.* Lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện chăm sóc theo kế hoạch, đảm bảo an toàn, thoải mái và hiệu quả cho bà mẹ và thai nhi; đánh giá quá trình chăm sóc và xử trí phù hợp dựa trên các thông tin đó.

*Tiêu chí 12.* Hướng dẫn bà mẹ các phương pháp làm giảm những khó chịu thường gặp trong thời kỳ mang thai.

*Tiêu chí 13.* Phát hiện những trường hợp thai nghén bất thường, các trường hợp có nguy cơ cao trong quá trình mang thai, xử trí kịp thời, phù hợp với hướng dẫn quốc gia và phân tuyến kỹ thuật.

*Tiêu chí 14.* Sử dụng thuốc cho bà mẹ theo chỉ định (như kháng sinh, chống co giật, chống sốt rét, chống cao huyết áp, chống lây nhiễm virus).

*Tiêu chí 15.* Đề xuất, thực hiện và phân tích được kết quả các xét nghiệm cơ bản phổ biến (như hematocrit, đọc que thử nước tiểu tìm protein niệu).

## MỞ RỘNG

*Tiêu chí 17.* Đánh giá sự phát triển của thai nhi, vị trí rau bám, lượng nước ối bằng siêu âm (nếu sẵn có).

*Tiêu chí 18.* Phối hợp các chuyên khoa xử trí những vấn đề bất thường của bà mẹ trong thời kỳ mang thai dựa theo đúng qui định và nguồn lực của địa phương.

## NĂNG LỰC 4

Hộ sinh cung cấp dịch vụ chăm sóc trong chuyển dạ với chất lượng cao, tôn trọng bản sắc văn hóa; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo bà mẹ và trẻ sơ sinh có sức khỏe tốt nhất.

### KIẾN THỨC CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Các chức năng sinh học của người mẹ trong từng giai đoạn của cuộc chuyển dạ.

*Tiêu chí 2.* Giải phẫu hộp sọ của thai nhi, đường kính lọt và các điểm mốc quan trọng.

*Tiêu chí 3.* Sinh lý chuyển dạ, tôn trọng văn hóa và tâm lý của bà mẹ trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

*Tiêu chí 4.* Tiến trình của chuyển dạ thường, biểu đồ chuyển dạ, theo dõi chuyển dạ.

*Tiêu chí 5.* Các phương pháp đánh giá tình trạng bà mẹ và thai nhi trong chuyển dạ.

*Tiêu chí 6.* Tiến triển của thai nhi trong quá trình chuyển dạ; Cơ chế đẻ của những ngôi, thế, kiểu thế khác nhau trong chuyển dạ.

*Tiêu chí 7.* Các biện pháp hỗ trợ trong giai đoạn một và hai của cuộc chuyển dạ, ví dụ: tư thế của bà mẹ, hỗ trợ tinh thần, các phương pháp giảm đau không dùng thuốc...

*Tiêu chí 8.* Tác dụng, tác dụng phụ, nguy cơ của các thuốc sử dụng trong chuyển dạ; tác động của các biện pháp giảm đau dùng thuốc và không dùng thuốc tới sinh lý cuộc chuyển dạ bình thường.

*Tiêu chí 9.* Dấu hiệu và triệu chứng của tai biến sản khoa trong chuyển dạ.

*Tiêu chí 10.* Các nguyên tắc phòng chống tổn thương đáy chậu và rách tầng sinh môn.

*Tiêu chí 11.* Các chỉ định, điều kiện cắt, khâu tầng sinh môn, các nguyên tắc kỹ thuật cơ bản khi khâu vết cắt hoặc vết rách tầng sinh môn.

*Tiêu chí 12.* Các nguyên tắc và thực hiện theo dõi giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ; các nguyên tắc xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ.

*Tiêu chí 13.* Chỉ định và xử trí các tình huống cấp cứu phù hợp với phân tuyến kỹ thuật và hướng dẫn quốc gia; tổ chức chuyển tuyến và huy động các nguồn lực từ cộng đồng trong cấp cứu sản khoa.

*Tiêu chí 14.* Các chỉ định, điều kiện cần để mổ đẻ, đẻ giác hút, đẻ forceps theo hướng dẫn quốc gia và phân tuyến kỹ thuật.

### KỸ NĂNG CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Khai thác bệnh sử, chú ý những yếu tố đặc biệt và theo dõi các dấu hiệu sống của người mẹ trong chuyển dạ.

*Tiêu chí 2.* Khám, xác định chuyển dạ và các giai đoạn của chuyển dạ, khám xác định kiểu thể và độ lọt của ngôi thai.

*Tiêu chí 3.* Đo và đánh giá hiệu quả của cơn co tử cung.

*Tiêu chí 4.* Thăm khám âm đạo để đánh giá tiến triển độ mở của cổ tử cung, tình trạng ối, độ lọt của ngôi, kiểu thể, sự tương xứng giữa thai nhi và khung chậu mẹ cho cuộc đẻ đường âm đạo.

*Tiêu chí 5.* Sử dụng biểu đồ chuyển dạ theo dõi tiến trình chuyển dạ.

*Tiêu chí 6.* Hỗ trợ bà mẹ và gia đình họ về thể chất và tinh thần để tăng hiệu quả của cuộc chuyển dạ thường, sắp xếp để có người thân có thể hỗ trợ bà mẹ trong suốt cuộc chuyển dạ và đẻ.

*Tiêu chí 7.* Cung cấp nước uống, các chất dinh dưỡng, sử dụng các biện pháp thư giãn thích hợp mà không dùng thuốc trong quá trình chuyển dạ và đẻ.

*Tiêu chí 8.* Theo dõi bằng quang và thực hiện thông tiểu khi có chỉ định.

*Tiêu chí 9.* Phát hiện những yếu tố nguy cơ. Xác định nhanh chóng những bất thường trong chuyển dạ để có những can thiệp thích hợp sớm hoặc chuyển tuyến đúng lúc.

*Tiêu chí 10.* Kích thích hoặc tăng cường cơn co tử cung bằng các biện pháp không dùng thuốc và dùng thuốc (theo chỉ định).

*Tiêu chí 11.* Thực hiện gây tê tại chỗ trước khi cắt và khi khâu tầng sinh môn, thực hiện khâu tầng sinh môn.

*Tiêu chí 12.* Tiến hành đỡ đẻ ngôi chỏm, cặp và cắt rốn, xử trí các trường hợp dây rau quấn cổ khi đỡ đẻ.

*Tiêu chí 13.* Phát hiện và tham gia xử trí cấp cứu các trường hợp bất thường đối với thai nhi trong khi yêu cầu hỗ trợ về y tế hoặc chờ đợi chuyển tuyến.

*Tiêu chí 14.* Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đúng chỉ định, đúng kỹ thuật.

*Tiêu chí 15.* Thực hiện bóc rau nhân tạo, kiểm soát tử cung đúng chỉ định, đúng kỹ thuật theo hướng dẫn quốc gia và phân tuyến kỹ thuật.

*Tiêu chí 16.* Tạo môi trường an toàn cho mẹ và trẻ sơ sinh, tăng cường gắn kết mẹ con.

*Tiêu chí 17.* Xác định và ghi lại lượng máu mất của bà mẹ; kiểm tra các vết rách âm đạo, cổ tử cung.

*Tiêu chí 18.* Khâu vết rách hoặc cắt tầng sinh môn: khâu vết rách âm đạo hoặc rách tầng sinh môn độ I và độ II.

*Tiêu chí 19.* Phát hiện chảy máu ngay sau đẻ và xử trí kịp thời theo hướng dẫn quốc gia, phù hợp tuyến y tế; sử dụng thuốc tăng co phù hợp trong quá trình xử trí.

*Tiêu chí 20.* Phát hiện, theo dõi, xử trí ban đầu choáng: đặt đường truyền, lấy máu làm xét nghiệm.

*Tiêu chí 21.* Phát hiện và xử trí sớm trường hợp khẩn cấp hoặc cấp cứu trong chuyển dạ đẻ. Tư vấn và thực hiện chuyển tuyến phù hợp với bà mẹ nếu có nguy cơ tiềm tàng.

*Tiêu chí 22.* Tổ chức và thực hiện chuyển tuyến hiệu quả; bố trí thuốc và dụng cụ thích hợp để xử trí các vấn đề xảy ra trên đường đi, đảm bảo việc thực hiện cấp cứu được liên tục, an toàn cho những bà mẹ có biến chứng trong cuộc đẻ.

*Tiêu chí 23.* Phụ giúp thầy thuốc những trường hợp đẻ khó. Cập nhật liên tục và đầy đủ thông tin của bà mẹ và những việc đã làm cho bà mẹ. Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn để lập kế hoạch chăm sóc hộ sinh và thực hiện các phác đồ cấp cứu theo chỉ định.

*Tiêu chí 24.* Phụ giúp và phối hợp với thầy thuốc xử trí các cấp cứu bà mẹ và trẻ sơ sinh theo chức trách nhiệm vụ của người hộ sinh. Giải thích, hướng dẫn, giúp đỡ, hỗ trợ bà mẹ và gia đình của họ trong quá trình cấp cứu.

*Tiêu chí 25.* Thực hiện cấp cứu hồi sinh hô hấp tuần hoàn (CPR).

*Tiêu chí 26.* Sử dụng thuốc cho bà mẹ trong quá trình chuyển dạ và đẻ đúng y lệnh, an toàn.

*Tiêu chí 27.* Sử dụng Monitor sản khoa.

## MỞ RỘNG

*Tiêu chí 28.* Thực hiện các biện pháp giảm đau trong chuyển dạ và trong khi đẻ theo quy định.

*Tiêu chí 29.* Tiến hành đẻ đẻ ngôi mặt hoặc ngôi mông.

*Tiêu chí 30.* Thực hiện khâu vết rách âm đạo, tầng sinh môn độ 3, độ 4. Phối hợp xử trí vết rách âm đạo, tầng sinh môn phức tạp.

*Tiêu chí 31.* Xác định và xử trí vết rách cổ tử cung.

## NĂNG LỰC 5

Hộ sinh cung cấp dịch vụ chăm sóc bà mẹ sau đẻ toàn diện, chất lượng cao, phù hợp với văn hóa

## KIẾN THỨC CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Quá trình sinh lý của sự co hồi tử cung và phục hồi sau đẻ.

*Tiêu chí 2.* Thay đổi tâm, sinh lý của bà mẹ sau đẻ.

*Tiêu chí 3.* Sinh lý và quá trình tiết sữa, những vấn đề thường gặp như tắc sữa, thiếu sữa, v.v... Các dấu hiệu bất thường liên quan đến cho con bú. Tầm quan trọng của việc cho trẻ bú ngay sau sinh/bú sớm/bú mẹ hoàn toàn đối với bà mẹ và trẻ sơ sinh.

*Tiêu chí 4.* Dinh dưỡng của trẻ; dinh dưỡng cho bà mẹ, nghỉ ngơi, hoạt động và nhu cầu sinh lý trong giai đoạn ngay sau đẻ. Những hình thức tăng cường mối quan hệ tình cảm giữa cha mẹ và trẻ sơ sinh.

*Tiêu chí 5.* Các dấu hiệu bất thường do co hồi tử cung kém.

*Tiêu chí 6.* Các bất thường về vú và xử trí những bất thường hoặc biến chứng khi nuôi con bằng sữa mẹ.

*Tiêu chí 7.* Động viên và hỗ trợ với những bà mẹ và gia đình họ trong trường hợp thai nghén hoặc sinh đẻ bất thường (như tử vong mẹ, thai lưu, sẩy thai, tử vong chu sinh, dị tật bẩm sinh). Hướng dẫn cách tiếp cận và cung cấp dịch vụ hỗ trợ đặc biệt cho vị thành niên, nạn nhân của bạo lực giới.

*Tiêu chí 8.* Các quy tắc phòng chống lây truyền từ mẹ sang con với các trường hợp HIV, viêm gan B,C và lao trong thời kỳ sau đẻ.

*Tiêu chí 9.* Các phương tiện tránh thai thích hợp sử dụng ngay trong thời kỳ sau đẻ (như nuôi con bằng sữa mẹ, viên uống tránh thai chỉ có progesterin).

*Tiêu chí 10.* Các dịch vụ chăm sóc sau đẻ dựa vào cộng đồng hiện có để người mẹ và gia đình tiếp cận dễ dàng.

*Tiêu chí 11.* Dấu hiệu và triệu chứng đe dọa tính mạng của người mẹ có thể xảy ra trong giai đoạn sau đẻ (như ra máu liên tục, tắc mạch, tiền sản giật và sản giật thời kỳ sau đẻ, nhiễm trùng, suy nhược tinh thần nghiêm trọng).

*Tiêu chí 12.* Dấu hiệu và triệu chứng của những biến chứng trong thời kỳ sau đẻ (như thiếu máu trường diễn, huyết tụ, suy nhược, tắc tĩnh mạch, đại tiểu tiện không tự chủ, bí tiểu, lỗ rò sản khoa).

## MỞ RỘNG

*Tiêu chí 13.* Các quy tắc sử dụng bơm hút chân không để hút buồng tử cung lấy rau sót.

## KỸ NĂNG CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Khai thác bệnh sử cần thiết trong đó có thông tin chi tiết về thai kỳ, chuyển dạ và sinh đẻ.

*Tiêu chí 2.* Thực hiện thăm khám thực thể bà mẹ.

*Tiêu chí 3.* Cung cấp thông tin, hỗ trợ bà mẹ và gia đình trong những trường hợp đặc biệt (tử vong mẹ, thai chết lưu, sẩy thai nghén, chết chu sinh, dị tật bẩm sinh).

*Tiêu chí 4.* Đánh giá sự co hồi tử cung và vết khâu tầng sinh môn.

*Tiêu chí 5.* Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ, đảm bảo cho trẻ bú mẹ ngay sau đẻ. Hướng dẫn bà mẹ vắt sữa, bảo quản sữa và cho trẻ ăn bằng thìa/ bằng cốc trong trường hợp trẻ không tự bú mẹ được.

*Tiêu chí 6.* Hướng dẫn bà mẹ chăm sóc bản thân và chăm sóc con sau đẻ; những dấu hiệu và triệu chứng của những biến chứng; sử dụng những nguồn lực sẵn có tại gia đình và cộng đồng để chăm sóc hiệu quả.

*Tiêu chí 7.* Tư vấn cho bà mẹ về sinh hoạt tình dục, kế hoạch hóa gia đình ngay sau đẻ.

*Tiêu chí 8.* Cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lồng ghép với chăm sóc bà mẹ sau đẻ.

*Tiêu chí 9.* Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá chăm sóc, nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc sau đẻ phù hợp về văn hoá cho phụ nữ, gia đình và cộng đồng. (Ví dụ: lồng ghép hiểu biết về các yếu tố lịch sử, văn hoá vào công tác chuyên môn; tôn trọng các khác biệt về văn hoá và các cách chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ sơ sinh; nhận biết được các yêu cầu đặc biệt của bà mẹ và những người thuộc các cộng đồng dân tộc thiểu số...).

*Tiêu chí 10.* Phát hiện và xử trí cấp cứu chảy máu muộn và nhiễm trùng thời kỳ sau đẻ theo hướng dẫn quốc gia và phân tuyến kỹ thuật.

*Tiêu chí 11.* Cung cấp thông tin về sử dụng thuốc cho bà mẹ. Sử dụng thuốc an toàn theo y lệnh và ghi chép vào hồ sơ bệnh án. Cung cấp và quản lý thuốc an toàn và hiệu quả trong khuôn khổ quy định.

## MỞ RỘNG

*Tiêu chí 12.* Tiến hành hút buồng tử cung bằng bơm hút chân không để điều trị chảy máu muộn thời kỳ sau đẻ.

## NĂNG LỰC 6

Hộ sinh cung cấp dịch vụ chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho trẻ thời kỳ sơ sinh

### KIẾN THỨC CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Các yếu tố để đánh giá ngay lập tức tình trạng của trẻ sơ sinh (hệ thống điểm APGAR).

*Tiêu chí 2.* Sự thích nghi của trẻ sơ sinh với cuộc sống bên ngoài tử cung (thay đổi của phổi và hệ tuần hoàn).

*Tiêu chí 3.* Những nhu cầu thiết yếu cho trẻ sơ sinh: thở, giữ ấm, dinh dưỡng, tiếp xúc gắn kết với người mẹ.

*Tiêu chí 4.* Ưu điểm của một số phương pháp giữ ấm trẻ sơ sinh, bao gồm cả phương pháp tiếp xúc da – kê – da (chăm sóc Kangaroo).

*Tiêu chí 5.* Các phương pháp và công cụ đánh giá tuổi của trẻ sơ sinh.

*Tiêu chí 6.* Đặc điểm và sự phát triển của trẻ sơ sinh khỏe mạnh.

*Tiêu chí 7.* Đặc điểm và sự phát triển của trẻ sơ sinh non tháng, nhẹ cân và chăm sóc đặc biệt cho trẻ này.

*Tiêu chí 8.* Những loại vacxin tiêm chủng cần thiết cho trẻ, lợi ích/tác dụng và nguy cơ của mỗi loại vacxin.

*Tiêu chí 9.* Kiến thức truyền thông, tư vấn liên quan tới chăm sóc trẻ sơ sinh.

*Tiêu chí 10.* Những yếu tố để tăng cường sức khỏe và phòng chống bệnh tật cho trẻ sơ sinh, bao gồm cả những yếu tố chăm sóc thiết yếu hàng ngày (như chăm sóc rốn, dinh dưỡng, các đường bài tiết).

*Tiêu chí 11.* Những quy tắc trong dinh dưỡng sơ sinh, nhu cầu cần bú và các lựa chọn nuôi dưỡng cho trẻ sơ sinh (trong đó có trẻ có mẹ HIV dương tính).



*Tiêu chí 12.* Dấu hiệu và triệu chứng không gây biến chứng của trẻ sơ sinh (bướu huyết thanh, uôn khuôn, hạt Mongomeri trên vú).

*Tiêu chí 13.* Những dấu hiệu và triệu chứng của những trẻ sơ sinh có biến chứng cần phải chuyển tuyến (như vàng da, tụ máu, chong khớp trong quá trình chuyển dạ ảnh hưởng đến hộp sọ trẻ sơ sinh, kích thích não, tổn thương não). Những tổn thương lâu dài (u mạch máu, hạ đường huyết, hạ thân nhiệt, mất nước, nhiễm trùng, giang mai bẩm sinh). Các tổn thương không do tai biến, một số nguyên nhân đột tử ở trẻ sơ sinh.

## KỸ NĂNG CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Đánh giá tình trạng của trẻ sơ sinh ngay sau đẻ bằng chỉ số APGAR hoặc các phương pháp đánh giá khác. Nhận định những đặc điểm của trẻ sơ sinh khỏe mạnh (những biểu hiện bên ngoài và các hoạt động của trẻ).

*Tiêu chí 2.* Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ (bao gồm: lau khô, giữ ấm, bảo đảm đường thở được thông, cặp và cắt rốn).

*Tiêu chí 3.* Giữ ấm để duy trì thân nhiệt bình thường cho trẻ sơ sinh, kiểm soát nhiệt độ môi trường, tăng cường tiếp xúc da – kê – da.

*Tiêu chí 4.* Tiên hành chăm sóc thường quy cho trẻ sơ sinh, theo hướng dẫn quốc gia, ghi chép thông tin của trẻ vào sổ/ phiếu chăm sóc.

*Tiêu chí 5.* Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú mẹ ngay sau đẻ càng sớm càng tốt và hỗ trợ bú mẹ hoàn toàn. Hướng dẫn bà mẹ cách vắt sữa, bảo quản sữa và cho trẻ ăn bằng thìa/cốc nếu trẻ không bú mẹ được.

*Tiêu chí 6.* Xác định tuổi của trẻ sơ sinh. Thực hiện khám sàng lọc toàn thân cho trẻ sơ sinh để phát hiện những dấu hiệu bất thường của trẻ.

*Tiêu chí 7.* Xác định và chuyển những trẻ đang có nguy cơ đến đơn nguyên sơ sinh/ trung tâm cấp cứu thuận tiện nhất.

*Tiêu chí 8.* Tư vấn, hướng dẫn cho bà mẹ và gia đình những dấu hiệu nguy hiểm của trẻ sơ sinh và đưa trẻ đến cơ sở y tế gần nhất để kiểm tra.

*Tiêu chí 9.* Tư vấn, giáo dục cho các bậc cha mẹ quá trình sinh trưởng và sự phát triển bình thường của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, cách đáp ứng với nhu cầu hàng ngày của một trẻ bình thường.

*Tiêu chí 10.* Đánh giá ngay những đặc điểm của trẻ non tháng, nhẹ cân và những chăm sóc đặc biệt cần cho trẻ. Chăm sóc thích hợp với từng trường hợp sinh non, nhẹ cân, chú trọng chăm sóc da – kê - da; phối hợp xử trí trường hợp trẻ sinh ra rất non yếu, nhẹ cân. Huy động cộng đồng và thực hiện chuyển tuyến đảm bảo an toàn.

*Tiêu chí 11.* Hỗ trợ cha mẹ trẻ tiếp cận các nguồn lực sẵn có tại cộng đồng để chăm sóc trẻ.

*Tiêu chí 12.* Hỗ trợ các bậc cha mẹ trong những trường hợp đặc biệt như thai chết lưu, trẻ bị dị tật bẩm sinh hoặc chết chu sinh.

*Tiêu chí 13.* Hỗ trợ cha mẹ trẻ khi chuyển tuyến hoặc trong những lúc phải tách rời đứa trẻ (như trẻ phải vào điều trị tại khu điều trị tích cực - NICU).

*Tiêu chí 14.* Hỗ trợ và tư vấn cho bà mẹ và gia đình trong trường hợp sinh nhiều con cùng lúc (như sinh đôi, sinh ba) về những chăm sóc đặc biệt cho trẻ và sử dụng những nguồn lực sẵn có tại cộng đồng trong quá trình chăm sóc.

*Tiêu chí 15.* Khẩn trương thực hiện đúng chỉ định, đúng kỹ thuật trong các trường hợp cấp cứu: hồi sức sơ sinh, dị vật trong đường thở, hạ thân nhiệt, hạ đường huyết, ngừng tuần hoàn, chảy máu rốn, sặc sữa.

*Tiêu chí 16.* Chăm sóc thích hợp với những trẻ có mẹ HIV dương tính.

## MỞ RỘNG

*Tiêu chí 17.* Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc phù hợp và hiệu quả cho trẻ sơ sinh đặc biệt.

## NĂNG LỰC 7

Hộ sinh thực hiện chăm sóc toàn diện, phù hợp nhu cầu cá nhân, mang tính cá biệt và tôn trọng yếu tố văn hóa, tín ngưỡng liên quan đến phá thai cho những phụ nữ muốn kết thúc thai nghén hoặc những phụ nữ bị sẩy thai, theo qui định của luật pháp và theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

## KIẾN THỨC CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Các chính sách, quy định, luật pháp, và hướng dẫn quốc gia về thực hiện phá thai an toàn.

*Tiêu chí 2.* Các thủ tục cần có kèm theo trong quyết định bỏ thai khi có thai ngoài ý muốn hoặc không biết có thai.

*Tiêu chí 3.* Chỉ định và chống chỉ định của phá thai.

*Tiêu chí 4.* Chăm sóc cả thể chất và tinh thần, cung cấp thông tin và hỗ trợ cần thiết trong trường hợp sẩy thai hoặc phá thai và những dịch vụ chăm sóc có liên quan tại cơ sở y tế và tại cộng đồng.

*Tiêu chí 5.* Các biện pháp tránh thai phù hợp sau phá thai.

*Tiêu chí 6.* Quá trình co hồi tử cung bình thường và phục hồi tâm lý, thể chất sau sẩy thai hoặc phá thai.

*Tiêu chí 7.* Dấu hiệu và triệu chứng của co hồi tử cung kém hoặc phá thai không hết; dấu hiệu và triệu chứng của các biến chứng khi phá thai đe dọa đến sức khỏe và tính mạng của người phụ nữ (như ra máu âm đạo liên tục, nhiễm khuẩn).

*Tiêu chí 8.* Các quy tắc sử dụng bơm hút chân không bằng tay (MVA).

*Tiêu chí 9.* Nguyên tắc cơ bản của thuốc sử dụng khi phá thai bằng thuốc, các loại thuốc thích hợp với từng loại phá thai.

## KỸ NĂNG CƠ BẢN

*Tiêu chí 1.* Đánh giá tuổi thai căn cứ vào ngày đầu tiên của kỳ kinh cuối cùng, thăm khám bằng tay hoặc thử nước tiểu hoặc phối hợp với kết quả siêu âm (nếu có).

*Tiêu chí 2.* Thông báo với người phụ nữ có dự định phá thai về các dịch vụ sẵn có cho người muốn giữ thai và dịch vụ cho người quyết định phá thai; các phương pháp phá thai và hỗ trợ để họ quyết định lựa chọn.

*Tiêu chí 3.* Khai thác tiền sử lâm sàng và yếu tố xã hội để xác định các chống chỉ định của phá thai bằng thuốc hoặc bằng bơm hút chân không.

*Tiêu chí 4.* Tư vấn người phụ nữ (và các thành viên trong gia đình, khi thích hợp) về tình dục và các biện pháp tránh thai sau phá thai.

*Tiêu chí 5.* Tư vấn và cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình sau phá thai là một công việc phải làm trong dịch vụ phá thai.

*Tiêu chí 6.* Theo dõi, đánh giá sự co hồi tử cung sau phá thai, xử trí hoặc chuyển tuyến thích hợp nếu có bất thường.

*Tiêu chí 7.* Tư vấn người phụ nữ chăm sóc bản thân, nghỉ ngơi, dinh dưỡng và cách phát hiện các biến chứng.

*Tiêu chí 8.* Xác định các tai biến của phá thai (như thủng tử cung); phối hợp xử trí hoặc chuyển tuyến thích hợp.

*Tiêu chí 9.* Cung cấp thuốc theo chỉ định, sử dụng thuốc thích hợp cho phá thai an toàn bằng thuốc, theo đúng quy định.

*Tiêu chí 10.* Thực hiện phá thai bằng bơm hút chân không với tuổi thai dưới 7 tuần.

## **CÁC YÊU CẦU KHÁC**

\* ***Về Giao tiếp ứng xử:*** Thực hiện đúng qui định ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh (Theo thông tư 07/2014/TT-BYT) như:

- Khi thực tập tại các cơ sở y tế:
- + Thực hiện nghiêm túc quy định tại các cơ sở thực tập.
- + Có đạo đức và lối sống lành mạnh.
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt.

+ Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động, chịu trách nhiệm trong công việc.

- Khi ứng xử giao tiếp:

- + Lịch sự, hòa nhã và ứng xử văn minh
- + Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh.

\* ***Về Ngoại ngữ (Tiếng Anh)***

- Giao tiếp được các tình huống cơ bản trong cuộc sống như văn hóa, xã hội, thể thao, chính trị...

- Đọc hiểu được các đoạn y văn trong chương trình và tham khảo được một số tài liệu chuyên ngành.

**\* Về Tin học**

- Thực hiện được các thao tác quản lý đối với các thư mục, tập tin trên máy tính.

- Sử dụng được các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm thông tin.

- Thực hiện được các thao tác soạn thảo, định dạng cơ bản trong Microsoft Word.

- Thực hiện được các thao tác tạo và định dạng bảng tính; biết vận dụng công thức và các hàm cơ bản vào các bài toán ứng dụng Microsoft Excel.

- Thiết kế được các trình diễn, tạo các bài báo cáo bằng phần mềm Microsoft PowerPoint.

**1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:** Các cơ sở y tế của nhà nước và tư nhân từ tuyến trung ương, tỉnh, thành phố đến cơ sở đào tạo, quản lý trong lĩnh vực y tế. Các viện nghiên cứu, các trường Y và các cơ sở y tế khác,...

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học**

- Số lượng môn học, mô đun: 32

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 60 TC

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1758 giờ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1503 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 448 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1263 giờ

- Khối lượng thi/kiểm tra: 47 giờ

- Thời gian khóa học: 02 năm

- Tỷ lệ:

$$\text{Tỷ lệ \% Lý thuyết} = \frac{448 \times 100}{1758} = 25,48\%$$

$$\text{Tỷ lệ \% Thực hành} = \frac{1263 \times 100}{1758} = 71,85\%$$

$$\text{Tỷ lệ \% Kiểm tra, Đánh giá} = \frac{47 \times 100}{1758} = 2,67\%$$

### 3. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	LT	TH, TT	KT
<b>I.</b>	<b>Các môn học chung/ đại cương</b>	<b>15</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH 01	Chính trị	2	30	15	13(13-0)	2
MH 02	Pháp luật	1	15	09	5(5-0)	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	04	24 (24-0)	2
MH 04	Giáo dục QP - AN	3	45	21	21 (21-0)	3
MH 05	Tin học	3	45	15	29 (29-0)	1
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	90	30	56 (56-0)	4
<b>II.</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>45</b>	<b>1503</b>	<b>354</b>	<b>1115</b>	<b>34</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học cơ sở</b>	<b>5</b>	<b>108</b>	<b>66</b>	<b>38</b>	<b>4</b>
MH 07	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	28	30 (30-0)	2
MH 08	Vi sinh - Ký sinh trùng	1	24	15	8 (8-0)	1
MH 09	Dược học và thuốc thiết yếu	1	24	23	0	1
<b>II.2</b>	<b>Các môn học chuyên môn, chuyên ngành và hỗ trợ</b>	<b>20</b>	<b>380</b>	<b>273</b>	<b>91</b>	<b>15</b>
MH 10	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	2	50	20	28 (28-0)	2
MH 11	Dinh dưỡng - Tiết chế	1	16	15	0	1
MH 12	Tổ chức y tế	1	16	15	0	1
MH 13	Tâm lý giáo dục sức khỏe và KNGT	1	20	19	0	1
MH 14	Điều dưỡng Nội - Ngoại	2	30	29	0	1
MH 15	Điều dưỡng truyền nhiễm - chuyên khoa	1	20	19	0	1
MH 16	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	2	30	29	0	1
MH 17	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ thời kỳ thai nghén (trước đẻ)	1	30	19	10 (10-0)	1
MH 18	Chăm sóc bà mẹ thời kỳ trong đẻ	5	90	58	29 (29-0)	3

<b>Mã MH</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Số TC</b>	<b>TS</b>	<b>LT</b>	<b>TH, TT</b>	<b>KT</b>
MH 19	Chăm sóc sau đẻ	1	20	11	8 (8-0)	1
MH 20	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	30	24	4 (4-0)	1
MH 21	Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	1	28	15	12	1
<b>II.3</b>	<b>Các môn học lâm sàng tại bệnh viện và cơ sở</b>	<b>20</b>	<b>1000</b>	<b>0</b>	<b>986</b>	<b>15</b>
MH 22	Lâm sàng điều dưỡng nội - ngoại, KTDD	2	120	0	118 (0-118)	2
MH 23	Lâm sàng CSSK thai nghén (Trước đẻ; Sản 2)	2	120	0	118 (0-118)	2
MH 24	Lâm sàng chăm sóc trong đẻ (Sản 3)	5	220	0	218 (0-218)	2
MH 25	Lâm sàng chăm sóc sau đẻ (Sản 4)	2	120	0	118 (0-118)	2
MH 26	Lâm sàng Dân số KHH - GD	1	60	0	59 (0-59)	1
MH 27	Lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em	1	60	0	59 (0-59)	1
MH 28	Lâm sàng điều dưỡng TN - CK	1	60	0	59 (0-59)	1
MH 29	Thực tế tốt nghiệp (thực tế ngành)	5	240	0	237 (0-237)	3
	<b>Tổng số (I + II)</b>	<b>60</b>	<b>1758</b>	<b>448</b>	<b>1263</b>	<b>47</b>

#### **4. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

##### **4.1. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết cho các môn học, mô đun đào tạo**

- Căn cứ vào chương trình đào tạo và danh mục các môn học, mô đun đào tạo ngành, chuyên môn triển khai xây dựng chương trình các môn học, mô đun chi tiết đến các nội dung mục, tiêu mục hoặc tiêu đề, tiêu tiêu đề cần có để thuận tiện cho việc giảng dạy.

- Khi xây dựng chương trình chi tiết môn học, mô đun phải thực hiện đúng nội dung mục tiêu của chương trình đào tạo đã được ban hành, các nội dung được quy định theo Thông tư số: 03/2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

**4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:**

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm: Dịp 27/02; 26/03, 19/05,... - Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm: Dịp 19/05, 20/11,... - Ngoài giờ học hàng ngày
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện của nhà trường để đọc sách, tham khảo tài liệu và tra cứu thông tin	- Tất cả các ngày trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể: Đoàn thanh niên, Hội HSSV tổ chức các hoạt động giao lưu, các buổi sinh hoạt, cắm trại,...	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm: Dịp 09/01; 26/03,...
5	Khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí tình nguyện	- Dịp 27/07 hàng năm

**4.3. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian**

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm (gồm 4 học kỳ).

Nhà trường bố trí và điều chỉnh các môn học/mô đun của các học kỳ sao cho đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo.

Xếp lịch dạy học:

- Khi xây dựng lịch dạy học phòng Quản lý đào tạo cần phân định rõ các môn học, mô đun độc lập hay phụ thuộc.

- Các môn học, mô đun độc lập: là những môn học, mô đun không cần điều kiện tiên quyết và sự nhận thức chúng không cần đến kiến thức của các môn học, mô đun khác (môn học, mô đun trước). Do vậy, có thể bố trí dạy các môn học, mô đun này vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình đào tạo.

- Các môn học, mô đun phụ thuộc: Là những môn học, mô đun cần trang bị trước những kiến thức của một hay một số môn học, mô đun khác thì sinh viên mới có thể nhận thức được. Những môn học, mô đun cần được trang bị trước là những môn học, mô đun tiên quyết (môn học, mô đun trước). Do vậy, cần bố trí các môn học, mô đun này theo trình tự logic trước - sau một cách rõ ràng.

#### 4.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, thi hết môn học, mô đun

Thời gian tổ chức thi/kiểm tra hết môn học, mô đun áp dụng theo Điều 12, Điều 13, Điều 14 của Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Và được hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của nhà trường.

##### 4.4.1. Lý thuyết

- Đánh giá bộ phận (điểm đánh giá quá trình): Ngay từ đầu học kỳ, giảng viên phải công bố cho sinh viên về các hình thức đánh giá môn học, mô đun.

- Kiểm tra, thi kết thúc môn học/mô đun ngay sau khi học xong mỗi môn học/mô đun.

- Hình thức thi: Thi bằng các câu hỏi trắc nghiệm khách quan (mỗi môn học/mô đun sẽ xây dựng bộ ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm) kết hợp câu hỏi tự luận cải tiến, tiến tới thi trên máy vi tính.

##### 4.4.2. Thực hành

- Dựa vào bảng kiểm có thang điểm.

- Đánh giá đạt/không đạt sau mỗi kỹ thuật chăm sóc.

- Mỗi môn học/mô đun thực hành tại trường được quyết định đạt/không đạt dựa vào kết quả đánh giá tất cả các kỹ thuật chăm sóc.

- Môn học/mô đun thực hành tại bệnh viện được đánh giá quy đổi theo thang điểm 10, dựa vào 6 tiêu chí:

+ Chăm chỉ

+ Đạo đức nghề nghiệp - Kỹ năng giao tiếp

+ Kiến thức chuyên môn

+ Thực hiện chỉ tiêu tay nghề

+ Thực hiện quy trình các kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Sự tiến bộ và mức độ thành thạo thực hiện các kỹ thuật chăm sóc.

#### THANG ĐIỂM CỦA 6 TIÊU CHÍ

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Qui định đạt mức điểm tối đa
1	Chăm chỉ	10,0	Đạt 100% thời gian đi bệnh viện. Luôn bên cạnh người bệnh để theo dõi, chăm sóc.
2	Đạo đức nghề nghiệp - Kỹ năng giao tiếp	10,0	Nhiệt tình, cảm thông và hết lòng chăm sóc, hướng dẫn người bệnh. Nhân viên bệnh viện và người bệnh trong khoa yêu quý. Không có ai trong Khoa phàn nàn về thái độ.



<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Mức điểm tối đa</b>	<b>Qui định đạt mức điểm tối đa</b>
3	Kiến thức chuyên môn	20,0	Trình bày đúng và đầy đủ các tình huống lâm sàng xảy ra ở người bệnh được phân công chăm sóc.
4	Thực hiện chỉ tiêu tay nghề	30,0	Hoàn thành 100% chỉ tiêu tay nghề theo qui định của nhà trường.
5	Thực hiện qui trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh	20,0	Thực hiện đúng các qui trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh, đảm bảo vô khuẩn, an toàn.
6	Sự tiến bộ và mức độ thành thạo	10,0	Sự tiến bộ và thành thạo có thể dễ dàng nhận thấy được sau đợt thực tập.
<b>Tổng điểm</b>		<b>100</b>	

#### **4.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp**

##### **4.5.1. Hướng dẫn thi tốt nghiệp gồm 3 phần:**

###### **- Phần lý thuyết tổng hợp:**

Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời.

Kế hoạch thi kiến thức, kỹ năng nghề do hiệu trưởng quyết định và phải được thông báo cho người học nghề biết trước 30 ngày trước khi tiến hành tổ chức thi.

Thi viết câu hỏi tự luận hoặc câu hỏi trắc nghiệm; hoặc thi trên máy vi tính (máy chấm thi) bao gồm nội dung tổng hợp kiến thức các môn học/mô đun trọng tâm liên quan trực tiếp đến nghề nghiệp như:

- + Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học;
- + Chăm sóc sức khỏe thai nghén;
- + Chăm sóc bà mẹ thời kỳ trong đẻ;
- + Chăm sóc sau đẻ;
- + Chăm sóc sức khỏe trẻ em.

###### **- Phần thực hành:**

+ Lập kế hoạch chăm sóc: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên bệnh nhân và làm kế hoạch chăm sóc, hỏi thi tại bệnh viện.

+ Thi các thủ thuật, kỹ thuật chuyên ngành Sản - Phụ khoa: Sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên và thực hiện 01 thủ thuật, thi tại phòng thực hành của Trường.

- **Chính trị:** Theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thi môn chính trị được tổ chức theo hình thức thi viết tự luận với thời gian 90 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian 60 phút.

Kế hoạch thi môn chính trị do Hiệu trưởng quyết định và phải được thông báo cho người học nghề biết trước 15 ngày trước khi tiến hành tổ chức thi.

#### *4.5.2. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp*

Kết thúc khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số môn học/mô đun và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Kết quả thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra kết thúc khoá học đạt yêu cầu theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Đánh giá tốt nghiệp theo Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **4.6. Các chú ý khác**

Dựa theo chương trình đào tạo này, khi xây dựng chương trình đào tạo Trung cấp Hộ sinh chính quy hệ 1,0 năm cho các đối tượng có trình độ từ Trung cấp khác chuyên ngành lên sang học Hộ sinh Trung cấp cần bổ sung những môn học, mô đun bắt buộc và một số môn học, mô đun tự chọn mà trong chương trình đào tạo trung cấp các chuyên ngành khác chưa giảng dạy, còn thiếu so với chương trình đào tạo chính quy hệ 2 năm.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ths. Lê Minh Quân**